

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2021

V/v ly hôn giữa ông K và bà Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Như Huấn.

Bà Phạm Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trung K (tên gọi khác là Nguyễn Văn K), sinh năm 1975.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963.

Cùng nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, ông K và bà Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Trung K trình bày: Ông K và bà Nguyễn Thị Đ đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 3 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của pháp luật. Do bất đồng về suy nghĩ, cách sống nên quan hệ vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã không còn chung sống. Vì vậy, ông K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Đ.

Về con chung: Ông K và bà Đ có một con tên là Nguyễn Minh H, sinh năm 1998, đã thành niên và tự lập được.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Đ không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của ông K, không đến Tòa án tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn là ông K, ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

Bị đơn là bà Đ không có yêu cầu phản tố, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ.

[2] Về hôn nhân: Giữa ông K và bà Đ đã đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 3 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định, đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống vợ chồng giữa ông K và bà Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy, vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho ông K ly hôn bà Đ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình

[3] Về con chung: Giữa ông K và bà Đ có một con tên là Nguyễn Minh H, sinh năm 1998, đã thành niên và tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự: Ông K có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ông K và bà Đ có quyền kháng cáo bản án này quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Trung K (tên gọi khác là Nguyễn Văn K) ly hôn bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Trung K phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn mà ông K đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai số AA/2017/0001552 ngày 27 tháng 10 năm 2020, ông K đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông K và bà Đ có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường